

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST.

Ngày 31-12-2019.

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự tặng cho quyền sử dụng
đất, tranh chấp dân sự ranh
giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tấn Hiếu.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Dũng;

2. Ông Trần Văn Hải.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng, thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Linh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 20, 26 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa
án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
892/2018/TLST-DS, ngày 12/12/2018, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự
tặng cho quyền sử dụng đất, tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất”
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2019/QĐXXST-DS, ngày
02/10/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

1/ Nguyễn Minh T, sinh năm 1976 (có mặt);

2/ Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1976;

3/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1942 (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị H: Nguyễn Minh T, sinh năm 1976, là
đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Địa chỉ: Số A, Tổ B, ấp C, xã D, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Nguyễn Minh T1, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Số A1, Tổ B, ấp C, xã D, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Minh T2, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, Tổ B, ấp C, xã D, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Võ Thị Mỹ T3, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3/ Nguyễn Minh T4, sinh năm 1997 (vắng mặt);

4/ Nguyễn Thị Mỹ N2, sinh ngày 02/8/2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A1, Tổ B, ấp C, xã D, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình T3 thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Thúy H (anh T đại diện) trình bày:*

Diện tích đất 293,7m² thuộc thửa 1309, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL, được Ủy ban nhân thị xã CL (Nay là Ủy ban nhân dân thành phố CL) cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà N vào năm 1999, khi đó hộ bà N gồm có bà N và anh T, đến ngày 05/10/2006, bà N làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó trong hộ bà N gồm có bà N, anh T và chị H.

Nguồn gốc đất nêu trên là của bà ngoại anh T cho bà N và anh T từ năm 1999, khi đó trong hộ có bà N và anh T. Đến năm 2001 thì anh T kết hôn với chị H, chị H nhập hộ khẩu vào chung hộ với anh T, bà N, nên đất này có quyền sử dụng của chị H.

Ngày 22/4/2014, bà N tách thửa đất nêu trên thành hai thửa 3210 và 3212. Ngày 02/7/2014, bà N tách hộ khẩu ra khỏi hộ anh T, và làm hợp đồng tặng cho diện tích đất 239,9m² thuộc thửa 3210 cho ông Nguyễn Minh T1. Trong quá trình làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chỉ có bà N, ông T1 ký tên, những người trong hộ bà N là anh T, chị H không biết và không ký tên. Ngày 31/7/2014, anh T1 được Ủy ban nhân dân thành phố CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 239,9m² thuộc thửa 3210.

Bà N tặng quyền sử dụng đất cho anh T1 có diện tích đất nghĩa trang gia đình 38,2m² có 06 ngôi mộ đã gần 40 năm, chia ½ đất nghĩa trang của gia đình ảnh hưởng không tốt cho tập quán chôn cất. Đồng thời chia cắt chiều ngang 0,2m mặt tiền, chiều ngang hậu 0,5m chiều dài 15m ngôi nhà của bà N đang ở.

Theo đơn khởi kiện anh T, chị H yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2014, giữa bà N và anh T1, ứng với diện tích đất 50,1m² nằm trong diện tích đất 239,9m² Thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất 50,1m² (10,5m² một phần nhà bà N và anh T2 đang ở và 39,6m² đất nghĩa trang gia đình có 05 ngôi mộ) để cấp lại cho hộ bà N.

Tại phiên tòa, anh T và chị H (anh T đại diện) chỉ yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2014 giữa bà N và ông T1, ứng với diện tích đất 35,2m² nằm trong diện tích đất 239,9m²

thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL, theo diện tích đo đạc thực tế đã xác định tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2018, để bà N được đứng tên quyền sử dụng.

Anh T và chị H rút lại một phần yêu cầu, đối với diện tích đất 18,5m² (trong đó 03m² gắn liền với tấm đal anh T1 đang sử dụng và 15,5m² gắn liền với phần nhà anh T2 và bà N đang sử dụng), anh T và chị H đồng ý để anh T2 tiếp tục sử dụng 15,5m² gắn liền với một phần nhà bà N và anh T2 đang ở, điều chỉnh ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh T2 và anh T1.

Anh T và chị H đồng ý để anh T1 được sử dụng diện tích đất còn lại Thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL.

- Đồng nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N thống nhất với lời trình bày của anh T về nguồn gốc đất và quá trình được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp. Nguồn gốc đất là của mẹ bà N cho bà và anh T từ năm 1999, khi đó trong hộ bà có bà và anh T. Năm 2006 bà N làm thủ tục cấp đổi lại quyền sử dụng và đến ngày 22/4/2014, bà N tách thửa đất nêu trên thành hai thửa 3210 và 3212. Ngày 02/7/2014, bà N lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh T1, bà N tự tách hộ khẩu ra khỏi hộ anh T và chị H, anh T và chị H không hay biết, khi làm hợp đồng bà N chỉ chuyển cho anh T1 phần diện tích gắn liền với căn nhà anh T1 đang sử dụng, sau đó bà mới biết anh T1 đứng tên quyền sử dụng luôn khu nghĩa trang gia đình.

Năm 2015, bà N và anh T2 có sửa chữa lại căn nhà sát với vách nhà của anh T1, phần đất gắn liền với nhà này nằm trong diện tích đất Thuộc thửa số 3241, tờ bản đồ số 19, của bà N đã tặng anh T2. Hiện nay, bà N và anh T2 đang sinh sống trong căn nhà này.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2014, giữa bà N và anh T1, ứng với diện tích đất 50,1m² nằm trong diện tích đất 239,9m² Thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất 50,1m² (10,5m² một phần nhà bà N và anh T2 đang ở và 39,6m² khu nghĩa trang gia đình có 05 ngôi mộ) để cấp lại cho hộ bà N.

Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2014 giữa bà N và anh T1, ứng với diện tích đất 35,2m² nằm trong diện tích đất 239,9m² Thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL, theo diện tích đo đạc thực tế đã xác định tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2018, để bà N được đứng tên quyền sử dụng. Bà N rút lại một phần yêu cầu, đối với diện tích đất 18,5m² (trong đó 03m² gắn liền với tấm đal anh T1 đang sử dụng và 15,5m² gắn liền với phần nhà anh T2 và bà N đang sử dụng), đồng ý để anh T2 tiếp tục sử dụng và điều chỉnh ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh T2 và anh T1 đúng theo hiện trạng nhà.

Bà N đồng ý anh T1 được quản lý sử dụng diện tích đất còn lại Thuộc diện tích đất 239,9m² Thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL.

- Trong quá trình T3 thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Minh T1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của bà ngoại anh T1, anh T1 sống chung với bà ngoại, trực tiếp quản lý sử dụng và hàng năm đều đóng T3ế Nhà nước. Năm 1999, bà N làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, anh T1 biết và anh đồng ý để bà N đăng ký. Ngày 02/7/2014, bà N làm thủ tục tặng cho anh T1 quyền sử dụng đất diện tích 239,9 m², Thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc xã D, thành phố CL. Tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất trong hộ chỉ có một mình bà N. Anh T1 đã được cấp quyền sử dụng đất và sử dụng đất cho đến nay. Đối với phần diện tích khu mộ 35,2m² khu nghĩa trang gia đình có 05 ngôi mộ, anh T1 đồng ý để bà N được đăng ký đứng tên quyền sử dụng.

Năm 2011, anh T1 có nâng cấp sửa nhà trên phần nền móng đã có sẵn gần 20 năm, khi đó nhà bà N cách nhà ông T1 02 mét. Năm 2016, bà N thuê thợ di dời nhà sát vào vách nhà anh T1 lấn chiếm diện tích của anh T1 15,5m², khi đó anh T1 cũng đồng ý cho bà N được sử dụng, nhưng sau đó anh T1 mới biết bà N đã tặng cho diện tích đất liền kề với anh T1 cho anh T2 và hiện nay anh T2 đang sống trong căn nhà này, việc tặng cho không T2 báo cho anh T1 biết để ký xác định ranh giới. Do bà N đã chuyển quyền sử dụng diện tích đất cho anh T2 toàn bộ diện tích đất thửa 3241 liền kề với anh T2, nên nay anh T1 yêu cầu anh T2 di dời nhà trả diện tích đất lấn chiếm 15,5m² đúng với ranh giới. Anh T1 không đồng ý di dời vách tường rào theo yêu cầu của anh T2.

- Trong quá trình T3 thập chứng cứ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T2 trình bày: Năm 2015, bà N tặng cho anh T2 diện tích đất Thuộc thửa số 3241, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL, liền kề với diện tích đất thửa 3210 của anh T1. Năm 2018, anh T1 xây vách tường rào lấn sang phần đất thửa 3241 của anh T2 diện tích ngang 0,25m, dài 1,05m, những người trong hộ gia đình anh T1 sử dụng phần vách tường này, trong hộ ông T1 gồm: anh T1, chị T3, anh T4, chị N2. Do đó nay anh T2 yêu cầu anh T1, chị T3, anh T4, chị N2 cùng tháo dỡ, di dời phần vách tường rào lấn sang đất anh T2 diện tích ngang 0,25 m, dài 1,05 m Thuộc thửa số 3241, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp C, xã D, thành phố CL.

Năm 2015, bà N và anh T2 có sửa chữa lại căn nhà đã có trên 20 năm, nhà tiếp giáp với vách nhà của anh T1, nhà nằm trong diện tích đất thuộc thửa thửa số 3241, tờ bản đồ số 19, của bà N đã tặng anh T2. Hiện nay, bà N và anh T2 đang sinh sống trong căn nhà này. Nay anh T2 không đồng ý di dời nhà trả đất theo yêu cầu của anh T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Mỹ T3, Nguyễn Minh T4, Nguyễn Thị Mỹ N2 không có mặt tại tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đúng với quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, như: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; thời hạn chuẩn bị xét xử; xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định; gửi, cấp, tổng đạt cho Viện Kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng thời hạn. Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về tư cách tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện ghi bà Nguyễn Thị N là đồng nguyên đơn là chưa phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tư cách bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2014, giữa bà N và anh T1, đối với diện tích đất 18,5m² (trong đó 03m² gắn liền với tấm đal anh T1 đang sử dụng và 15,5m² gắn liền với phần nhà anh T2 và bà N đang sử dụng); chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự, đồng ý để bà N đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 35,2m², thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc xã D, thành phố CL. Đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng, không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh T1 yêu cầu anh T2, bà N di dời phần nhà diện tích đất 15,5m² và không chấp nhận yêu cầu của anh T2, yêu cầu anh T1 di dời vách tường rào dài 1,05m, ngang 0,25m.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bị đơn Nguyễn Minh T1, địa chỉ: tại ấp C, xã D, thành phố CL. Căn cứ vào khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Mỹ T3, Nguyễn Minh T4, Nguyễn Thị Mỹ N2 vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Xét Kiểm sát viên đề nghị xem xét tư cách bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy, theo đơn khởi kiện, anh T và chị H trình bày bà N làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của hộ gia đình cho anh T1, trong hộ có anh T và chị H, nhưng anh T và chị H không biết, xâm phạm đến quyền lợi của anh T và chị H, nhưng đơn khởi kiện lại ghi bà N với tư cách là đồng nguyên đơn là chưa phù hợp. Đúng lẽ ra đơn khởi kiện phải ghi bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới phù hợp. Tuy nhiên tại phiên tòa, các đương sự đã thống nhất đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà N, anh T, chị H và anh T1 thống nhất đồng ý để bà N đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 35,2m² (khu nghĩa trang gia đình) thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc xã D, thành phố CL, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Bà N, anh T, chị H rút lại một phần yêu cầu đối với diện tích đất 18,5m² (trong đó có 03m² gắn liền với tấm đal anh T1 đang sử dụng và 15,5m² gắn liền với phần nhà anh T2 và bà N đang sử dụng), do đó Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này.

- Xét yêu cầu của anh T1 yêu cầu anh T2 di dời phần nhà xây dựng lấn chiếm diện tích đất 15,5m². Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự 2015 quy định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong vụ án này, tại thời điểm anh T2 sửa chữa nhà đã sử dụng diện tích đất 15,5m² tranh chấp này, anh T1 biết và cũng đã đồng ý, xem như sự thỏa thuận về ranh giới, từ đó sử dụng đến nay đã ổn định, và phần đất này gắn liền với một phần căn nhà nên không thể di dời. Do đó giữ nguyên hiện trạng sử dụng, không chấp nhận yêu cầu của anh T1, anh T2 được tiếp tục sử dụng và có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Xét yêu cầu của anh T2, yêu cầu anh T1 di dời vách tường rào để trả lại diện tích đất ngang 0,25m, dài 1,05m. Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ xác định anh T1 xây dựng vách tường rào lấn chiếm sang đất anh T2 và vách tường rào gắn liền với phần nền móng của căn nhà, nên giữ nguyên hiện trạng sử dụng, do đó không chấp nhận yêu cầu của anh T2.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 5.784.000 đồng, phần diện tích đất anh T1 yêu cầu di dời trả diện tích đất 15,5m² không được chấp nhận nên anh T1 phải chịu là 1.669.000 đồng (5.784.000 đồng : 53,7m² x 15,5m²). Phần còn lại do các bên tự nguyện thống nhất để bà N đứng tên quyền sử dụng nên nguyên đơn phải chịu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, do hai bên đã tự nguyện thống nhất nên mỗi bên chịu 150.000 đồng tiền án phí. Anh T1 yêu cầu anh T2 di dời nhà trả diện tích đất 15,5m² không được chấp nhận nên phải chịu án phí là 418.000 đồng (540.000đồng/m² x 15,5m² x 5%). Anh T2 yêu cầu anh T1 di dời vách tường rào không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 100, 166, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 175 và Điều 244 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận sự tự nguyện giữa bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Minh T1, đồng ý để bà N đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất 35,2m² trong phạm vi các mốc 5, G, 13, 14, 15, N, M, K về mốc 5 theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2018, thẩm định bổ sung ngày 21/12/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh, thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc xã D, thành phố CL (khu nghĩa trang gia đình có 05 ngôi mộ, hiện do bà N đang quản lý sử dụng).

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất 35,2m² nêu trên.

- Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/7/2014, giữa bà N và anh T1, đối với diện tích đất 18,5m² (trong đó 03m² gắn liền với tấm đal anh T1 đang sử dụng và 15,5m² gắn liền với phần nhà anh T2 và bà N đang sử dụng).

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T1, yêu cầu anh Nguyễn Minh T2 di dời nhà trả diện tích đất 15,5m² Thuộc thửa 3210, tờ bản đồ số 19, tọa lạc xã D, thành phố CL, Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T2 yêu cầu anh T1, chị Võ Thị Mỹ T3, anh Nguyễn Minh T4, chị Nguyễn Thị Mỹ N2 di dời vách tường rào diện tích ngang 0,25 m, dài 1,05 m Thuộc thửa 3241, tờ bản đồ 19, tọa lạc tại xã D, thành phố CL, Đồng Tháp.

- Nói từ mốc 13 đến mốc K đến mốc C theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2018, thẩm định bổ sung ngày 21/12/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh là ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Minh T2, đối với thửa 3210 và thửa 3241, tờ bản đồ số 19, tọa lạc xã D, thành phố CL, ranh giới được xác định từ không gian đến lòng đất theo chiều thẳng đứng, tài sản bên nào bị lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

Anh T1 và anh T2 có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ranh giới nêu trên.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Anh T1 phải trả cho bà N, anh T, chị H số tiền 1.669.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T, chị H phải chịu 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng; bà N, anh T, chị H được nhận lại tiền chênh lệch 150.000 đồng theo biên lai số 0000197, ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Anh Nguyễn Minh T1 phải chịu 568.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009062, ngày 24/6/2019

của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, anh T1 còn phải nộp tiếp 268.000 đồng. Anh Nguyễn Minh T2 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003413, ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, anh T2 đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T3ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

Đinh Tấn Hiếu